

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ  
3 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2011</b>	<b>2 - 6</b>
<b>3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2011</b>	<b>7 - 10</b>
<b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 1 năm 2011</b>	<b>11 - 12</b>
<b>5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2011</b>	<b>13 - 36</b>

\*\*\*\*\*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,028,687,639,332</b>	<b>985,183,082,558</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>314,159,331,359</b>	<b>197,304,823,335</b>
1. Tiền	111		32,154,275,803	42,274,823,335
2. Các khoản tương đương tiền	112		282,005,055,556	155,030,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.20</b>	<b>382,281,615,161</b>	<b>500,909,260,377</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		386,462,408,922	502,149,947,769
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4,180,793,761)	(1,240,687,392)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>290,154,709,654</b>	<b>277,706,001,912</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	159,742,868,526	163,630,850,721
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	30,192,761,489	23,719,055,316
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	115,642,942,420	103,716,326,990
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(15,423,862,781)	(13,360,231,115)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>23,166,303,927</b>	<b>2,366,317,754</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	23,166,303,927	2,366,317,754
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18,925,679,231</b>	<b>6,896,679,180</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	369,438,636	135,494,090
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		494,136,478	1,082,735,331
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	2,853,225,370	1,164,929,850
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	15,208,878,747	4,513,519,909

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>504,421,709,572</b>	<b>486,570,638,579</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>83,996,869,206</b>	<b>75,548,850,321</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.22	35,847,605,851	29,903,944,976
<i>Nguyên giá</i>	222		67,187,866,096	59,427,483,126
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(31,340,260,245)	(29,523,538,150)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.23	45,477,900,962	45,574,633,861
<i>Nguyên giá</i>	228		46,147,404,000	46,147,404,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(669,503,038)	(572,770,139)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.24	2,671,362,393	70,271,484
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>6,994,763,527</b>	<b>6,994,763,527</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		6,994,763,527	6,994,763,527
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>390,749,842,825</b>	<b>383,795,528,808</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.27	116,140,113,740	117,178,199,723
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.21	275,389,051,111	267,396,651,111
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.11	(779,322,026)	(779,322,026)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22,680,234,014</b>	<b>20,231,495,924</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.25	7,308,553,822	8,623,453,794
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	15,371,680,192	11,608,042,130
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,533,109,348,904</b>	<b>1,471,753,721,137</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>849,699,268,315</b>	<b>801,727,867,639</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>236,013,264,808</b>	<b>247,191,213,008</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.26	123,213,000,861	100,405,824,000
2. Phải trả người bán	312	V.12	75,880,336,599	66,045,343,542
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	3,334,092,455	1,745,550,263
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		11,937,312,994	24,801,192,394
5. Phải trả người lao động	315		1,549,661,325	25,314,422,649
6. Chi phí phải trả	316	V.14	1,674,901,075	1,919,081,914
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	15,624,274,820	25,541,850,208
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,799,684,679	1,417,948,038
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4,520,945,705</b>	<b>10,018,857,729</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		342,163,136	342,163,136
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	173,813,334	173,813,334
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.17	718,786,468	731,333,965
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18	3,286,182,767	8,771,547,294
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>III. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>340</b>		<b>609,165,057,802</b>	<b>544,517,796,902</b>
1. Dự phòng phí	341		319,577,694,117	278,318,419,396
3. Dự phòng bồi thường	343		143,543,401,283	122,705,081,721
4. Dự phòng dao động lớn	344		146,043,962,402	143,494,295,785
5. Dự phòng chia lãi	345		-	-
6. Dự phòng đảm bảo cân đối	346		-	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>680,132,527,602</b>	<b>666,737,523,517</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.31</b>	<b>680,132,527,602</b>	<b>666,737,523,517</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450,000,000,000	450,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		114,375,000,000	114,375,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(201,068,212)	(201,068,212)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(36,733,022)	(57,044,594)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15,377,483,028	15,377,483,028
8. Quỹ dự trữ bắt buộc	418		15,814,608,483	15,814,608,483
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		84,803,237,325	71,428,544,812
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CÔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>V.19</b>	<b>3,277,552,987</b>	<b>3,288,329,981</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,533,109,348,904</b>	<b>1,471,753,721,137</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		201,164,955,069	196,270,976,370
6. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
7. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
8. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		60,138.13	6,231.62
Euro (EUR)		490.57	492.83
Bảng Anh (£)		384.95	386.51
9. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Đoàn Kiên

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Lập ngày 10 tháng 5 năm 2011

Tổng giám đốc



Phạm Anh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Quý 1 năm 2011**PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Quý 1/2011	Năm trước
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		230,780,626,151	684,469,187,473
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		22,468,276,312	49,340,707,044
3. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)	03		50,996,572,647	154,756,158,024
Phí nhượng tái bảo hiểm	04		47,646,354,466	149,617,446,987
Giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm	05		407,044,151	-
Giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc	06		2,943,174,030	5,138,711,037
Các khoản giảm trừ khác	07		-	-
4. Tăng (giảm) dự phòng phí	08		41,259,274,721	96,048,077,846
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		11,931,084,474	34,729,600,649
5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12+13)	10		177,813,422	32,884,311,382
Thu nhận tái bảo hiểm	11		112,674,936	-
Thu nhượng tái bảo hiểm	12		-	29,049,047,972
Thu khác	13		65,138,486	3,835,263,410
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 - 08 + 09 + 10)	14	III.1	173,101,952,991	550,619,570,678
7. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	14B	III.2	42,009,000,208	151,868,582,050
8. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15		57,402,609,217	220,143,539,484
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm	16		6,885,697,740	16,515,084,426
10. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20)	17		9,336,665,713	49,062,693,661
Thu bồi thường nhượng Tái bảo hiểm	18		8,495,688,798	46,583,117,008
Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		840,976,915	10,000,000
Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		-	2,469,576,653
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21		54,951,641,244	187,595,930,249
12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		-	-
13. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23		20,838,319,562	15,019,554,172
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24		2,549,666,617	17,328,600,681



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
		Quý 1/2011	Năm trước
<b>15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b> (25 = 26 + 34 + 39 + 40)	<b>25</b>	<b>23,781,242,571</b>	<b>84,841,169,558</b>
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26 = 27 + 28 + 29 + 30 + 31 + 32 + 33)	26	18,865,300,947	73,799,904,699
+ Chi hoa hồng	27	17,123,752,241	57,101,360,561
+ Chi giám định tổn thất	28	729,263,314	4,483,155,110
+ Chi bồi người thứ 3	29	-	-
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30	-	11,829,091
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31	-	107,437,694
+ Chi để phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32	232,365,103	8,325,054,223
+ Chi khác	33	779,920,289	3,771,068,020
Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34 = 35 + 36 + 38)	34	4,915,941,624	11,907,739,859
+ Chi hoa hồng	35	4,133,376,368	11,548,062,954
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36	-	-
+ Chi khác	38	782,565,256	359,676,905
Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39	-	(438,750,000)
Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40	-	(427,725,000)
<b>16. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b> (41 = 21 - 22 + 23 + 24 + 25)	<b>41</b>	<b>102,120,869,994</b>	<b>304,785,254,660</b>
<b>17. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác</b>	<b>41B</b>	<b>III.3</b>	<b>40,136,999,114</b>
<b>18. Lợi nhuận gộp</b> (42 = 14 + 14B - 41 - 41B)	<b>42</b>	<b>72,853,084,091</b>	<b>252,697,534,138</b>
<b>19. Chi phí bán hàng</b>	<b>43</b>	<b>III.5</b>	<b>6,691,895,028</b>
<b>20. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>44</b>	<b>III.7</b>	<b>56,902,860,701</b>
<b>21. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh</b> (45 = 42 - 43 - 44)	<b>45</b>	<b>9,258,328,362</b>	<b>18,190,068,301</b>
<b>22. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>46</b>	<b>III.4</b>	<b>25,376,439,526</b>
<b>23. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>47</b>	<b>III.6</b>	<b>12,824,301,988</b>
<b>24. Lợi nhuận hoạt động tài chính</b> (51 = 46 - 47)	<b>51</b>	<b>12,552,137,538</b>	<b>81,690,284,774</b>
<b>25. Thu nhập khác</b>	<b>52</b>	<b>1,304,223</b>	<b>47,266,968</b>
<b>26. Chi phí khác</b>	<b>53</b>	<b>375,621,500</b>	<b>17,563,358</b>
<b>27. Lợi nhuận khác</b> (54 = 52 - 53)	<b>54</b>	<b>(374,317,277)</b>	<b>29,703,610</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
		Quý 1/2011	Năm trước
28. Lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	55	(491,455,738)	403,572,994
29. Tổng lợi nhuận kế toán (56 = 45 + 51 + 54 + 55)	56	20,944,692,885	100,313,629,679
30. Dự phòng đảm bảo cân đối	58	-	-
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60.1	5,323,696,437	22,812,629,415
32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.2	-	-
33. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 56 - 58 - 60.1 - 60.2)	61	<u>15,620,996,448</u>	<u>77,501,000,264</u>
34. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61.1	8,984,698	238,370,547
35. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61.2	15,612,011,750	77,262,629,717
36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62 III.8	<u>347</u>	<u>1,842</u>

Lập ngày 10 tháng 5 năm 2011

Người lập biểu



Đoàn Kiên

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Khánh



Phạm Anh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)****PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
<b>I. Thuế (10 = 11 + 12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17 + 18 + 19)</b>	<b>10</b>	<b>23,636,262,544</b>	<b>19,030,369,204</b>	<b>31,511,185,717</b>	<b>11,155,446,031</b>
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	6,203,887,501	12,207,501,266	13,498,787,225	4,912,601,542
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	15	17,083,314,807	5,323,696,437	16,844,557,655	5,562,453,589
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	72,146,741	74,952,737	310,530,467	(163,430,989)
7. Thuế tài nguyên	17	-	-	-	-
8. Thuế nhà đất, tiền thuê đất	18	-	-	-	-
9. Các loại thuế khác	19	276,913,495	1,424,218,764	857,310,370	843,821,889
<b>II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (30 = 31 + 32 + 33)</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3. Các khoản khác	33	-	-	-	-
<b>Tổng cộng (40=10+30)</b>	<b>40</b>	<b>23,636,262,544</b>	<b>19,030,369,204</b>	<b>31,511,185,717</b>	<b>11,155,446,031</b>

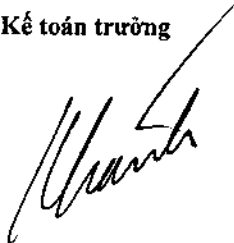
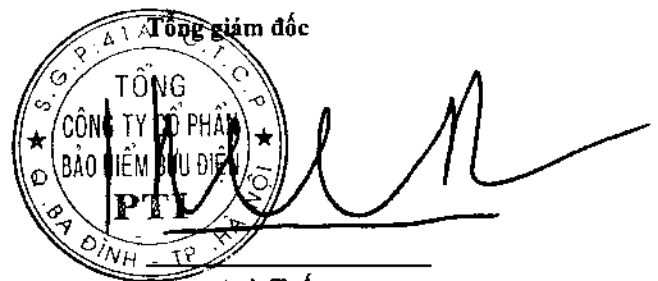
(\*) Xem thuyết minh số V.23

Lập ngày 10 tháng 5 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

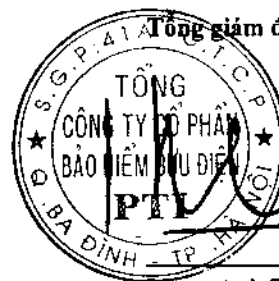
Tổng giám đốc

Đoàn Kiên

Đỗ Quang Khánh

Phạm Anh Tuấn



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 1/2011	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20,944,692,885	100,313,629,679
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,913,454,994	5,807,512,859
- Các khoản dự phòng	03	69,650,998,935	128,605,391,168
Dự phòng phí		41,259,274,721	96,048,077,847
Dự phòng bồi thường		20,838,319,562	15,019,554,172
Dự phòng dao động lớn		2,549,666,617	17,328,600,680
Dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá đầu tư		5,003,738,035	209,158,469
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(214,854,181)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18,226,120,009)	(82,844,236,648)
- Chi phí lãi vay	06	4,325,000,001	1,710,525,741
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	78,608,026,806	153,377,968,618
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	102,826,370,032	251,859,661,118
Phải thu về phí bảo hiểm gốc		6,881,678,835	(23,196,729,214)
Phải thu của hoạt động nhận tái Bảo hiểm		(10,961,560,735)	881,586,437
Phải thu của hoạt động nhượng tái Bảo hiểm		5,198,704,531	(20,464,741,350)
Phải thu khác		101,707,547,401	294,688,345,245
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20,799,986,173)	6,217,750,361
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(35,498,281,758)	63,878,082,852
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc		(4,098,601,176)	8,825,793,394
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm		2,255,150,668	1,188,600,893
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm		11,797,633,711	4,808,745,561
Phải trả khác		(45,452,464,961)	49,054,943,004
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,080,955,426	(2,378,534,581)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(1,759,359,074)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(16,844,557,655)	(16,021,433,099)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7,093,684,340	10,545,157,360
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11,003,609,276)	(14,845,791,616)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>105,462,601,742</b>	<b>450,873,501,939</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

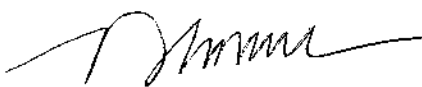
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2011	Năm trước
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10,361,473,879)	(32,737,932,005)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(238,871,000,000)	(1,244,582,927,028)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		226,537,000,000	710,390,152,587
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(52,010,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5,050,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11,280,203,300	51,336,468,225
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(11,415,270,579)</i>	<i>(562,554,238,221)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	150,315,000,000
2. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31B		-	-
3. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		22,807,176,861	111,512,657,692
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(16,711,287,025)
6. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(35,628,650,366)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>22,807,176,861</i>	<i>209,487,720,301</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>116,854,508,024</b>	<b>97,806,984,019</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>197,304,823,335</b>	<b>99,497,839,316</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>314,159,331,359</b>	<b>197,304,823,335</b>

Người lập biểu

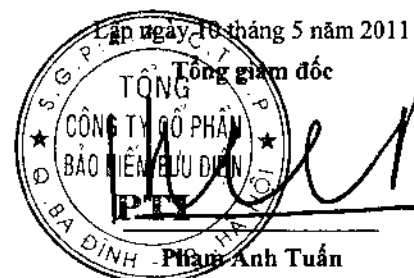


Đoàn Kiên

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Khánh



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2011

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và các công ty con và lợi ích của Công ty tại các công ty liên kết.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần của Công ty mẹ

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :

Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

4. **Công ty con**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3 Số 157 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	51%	74,66%

5. **Công ty liên kết**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5 Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	49,00%	95,35%
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI)	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,27%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chăm Pa	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	40,00%	44,44%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 9 ngách 67 ngõ Góc Đè, Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	30,00%	67,95%

6. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện có 630 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 630 nhân viên).

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3. Hợp nhất kinh doanh**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### **4. Công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ tính từ ngày phát hành hóa đơn thu phí bảo hiểm.

Tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi :

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
TSCĐ khác	3 - 5

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **9. Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

### **10. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

#### ***Đầu tư tài chính ngắn hạn***

Bao gồm các khoản các khoản đầu tư chứng khoán với mục đích mua vào, bán ra để kiếm lời, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay mà thời hạn thu hồi không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ.

#### ***Đầu tư tài chính dài hạn***

Bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, góp vốn vào đơn vị khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay... mà thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm kể từ ngày kết thúc niên độ.

### **11. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Chi phí phát triển đại lý***

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### ***Tiền thuê văn phòng***

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

#### ***Công cụ dụng cụ***

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm; Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ 1 năm.

### **12. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Ả  
TỔ  
TY  
HIỂM  
P  
NH

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tổng Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### **14. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ**

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm: Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 của Chính Phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp Bảo hiểm và doanh nghiệp Môi giới bảo hiểm.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện đã được Bộ Tài chính chấp thuận Phương pháp trích lập dự phòng các nghiệp vụ bảo hiểm tại Công văn số 13120/BTC-BH ngày 03 tháng 11 năm 2008.

Cụ thể phương pháp trích lập các quỹ dự phòng như sau:

#### ***Dự phòng phí chưa được hưởng***

Phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của các nghiệp vụ bảo hiểm này.

#### ***Dự phòng bồi thường***

Dự phòng bồi thường được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh và phân trách nhiệm giữ lại của Tổng Công ty. Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo do Tổng Công ty đánh giá rằng các số liệu về dự phòng bồi thường chưa thông báo (nếu có) là không trọng yếu.

#### ***Dự phòng dao động lớn***

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm. Mức trích lập trong năm 2010 đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm là 3% phí giữ lại.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn việc thực hiện chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn.

#### **15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty.

#### **16. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

#### **17. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Năm 2010, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp” thay cho chính sách kế toán đã áp dụng trong các năm trước theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Tổng Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Tổng Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

### **20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu phí bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được hạch toán khi phát sinh trách nhiệm của doanh nghiệp đối với bên mua bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (3) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận

#### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phí bảo hiểm thực thu.

Các khoản chi phí khác được ghi nhận theo số thực tế phát sinh.

### **22. Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm**

#### ***Tái bảo hiểm cố định***

Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các bảng thanh toán định kỳ (thường là hàng quý) được gửi tới hoặc nhận được từ các công ty nhận tái hoặc nhượng tái bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí được ghi nhận khi các bảng thanh toán được lập và được bên nhận tái bảo hiểm xác nhận.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Đối với các hợp đồng nhận tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí được ghi nhận khi Tổng Công ty xác nhận các bảng thanh toán từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Do việc nhận/gửi các bảng thanh toán của kỳ này thường được thực hiện trong kỳ tiếp theo nên có sự chênh lệch giữa thời điểm giao dịch phát sinh và thời điểm hạch toán thu nhập, chi phí.

#### ***Tái bảo hiểm tạm thời***

- Đối với các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và bảng kê thanh toán có xác nhận của bên nhận tái (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) đến nhà nhận tái bảo hiểm.
- Đối với các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm: thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và Tổng Công ty xác nhận bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ nhà nhượng tái bảo hiểm.

### **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **24. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

## II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4,707,417,465	4,597,473,030
Tiền gửi ngân hàng	27,417,063,240	30,889,662,305
Tiền đang chuyển	29,795,098	6,787,688,000
Các khoản tương đương tiền	282,005,055,556	155,030,000,000
<b>Cộng</b>	<b>314,159,331,359</b>	<b>197,304,823,335</b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	101,614,234,801	111,463,175,559
Phải thu của hoạt động nhận tái bảo hiểm	22,154,027,499	11,192,466,764
Phải thu của hoạt động nhượng tái bảo hiểm	25,171,050,370	30,369,754,901
Phải thu khác của khách hàng	10,803,555,856	10,605,453,497
<b>Cộng</b>	<b>159,742,868,526</b>	<b>163,630,850,721</b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	26,043,579,338	21,962,226,999
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	3,317,783,721	302,421,587
Trả trước cho nhà cung cấp khác	831,398,430	1,454,406,730
<b>Cộng</b>	<b>30,192,761,489</b>	<b>23,719,055,316</b>

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	54,369,554,496	53,908,549,117
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5,614,181,754	5,614,181,754
Đặt cọc VNDirect tiền mua trái phiếu	19,500,000,000	19,500,000,000
Phải thu bồi thường hộ, giám định hộ	10,057,371,289	4,648,202,432
Phải thu phí bảo hiểm VN Post	5,139,631,282	6,013,326,605
Các khoản phải thu khác	20,962,203,599	14,032,067,082
<b>Cộng</b>	<b>115,642,942,420</b>	<b>103,716,326,990</b>

### 5. Hàng tồn kho

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1,786,746,477	1,658,511,044
Công cụ, dụng cụ	75,918,922	88,173,377
Hàng hóa	21,303,638,528	619,633,333
<b>Cộng</b>	<b>23,166,303,927</b>	<b>2,366,317,754</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	15,423,862,781	13,360,231,115
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	2,133,246,004	1,156,748,049
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	2,252,348,848	1,955,727,864
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1,855,773,668	1,515,873,799
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	9,182,494,261	8,731,881,403
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15,423,862,781</b>	<b>13,360,231,115</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	14,392,272	14,392,272
Tiền thuê nhà	204,545,455	-
Chi phí khác	150,500,909	121,101,818
<b>Cộng</b>	<b>369,438,636</b>	<b>135,494,090</b>

**8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1,892,428,872	35,102,386
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	244,661,108	10,677,552
Thuế khác	716,135,390	1,119,149,912
<b>Cộng</b>	<b>2,853,225,370</b>	<b>1,164,929,850</b>

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	15,049,621,689	4,309,132,127
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	159,257,058	204,387,782
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15,208,878,747</b>	<b>4,513,519,909</b>

**10. Tài sản dài hạn khác**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ bắt buộc theo Luật kinh doanh bảo hiểm	6,000,000,000	6,000,000,000
Ký quỹ khác	9,371,680,192	5,608,042,130
<b>Cộng</b>	<b>15,371,680,192</b>	<b>11,608,042,130</b>



**11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Du lịch Buru điện	(372,111,533)	(372,111,533)
Dự phòng khoản lỗ ủy thác đầu tư chứng khoán	(407,210,493)	(407,210,493)
<b>Cộng</b>	<b>(779,322,026)</b>	<b>(779,322,026)</b>

**12. Phải trả người bán**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	20,645,686,666	22,431,239,065
- <i>Phải trả về bồi thường bảo hiểm gốc</i>	<i>13,242,995,332</i>	<i>13,971,646,835</i>
- <i>Phải trả về hoa hồng bảo hiểm gốc</i>	<i>6,370,188,389</i>	<i>7,264,152,769</i>
- <i>Phải trả về phí giám định tổn thất</i>	<i>757,246,828</i>	<i>766,757,855</i>
- <i>Phải trả về chi đề phòng hạn chế rủi ro tổn thất</i>	<i>80,927,500</i>	<i>284,233,900</i>
- <i>Phải trả khác về bảo hiểm gốc</i>	<i>194,328,617</i>	<i>144,447,706</i>
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18,085,389	18,085,389
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	6,255,762,371	4,100,611,702
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	38,522,358,371	25,210,211,894
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	3,253,453,254	5,466,502,032
Phải trả cho nhà cung cấp khác	7,184,990,548	8,818,693,460
<b>Cộng</b>	<b>75,880,336,599</b>	<b>66,045,343,542</b>
	(0)	-

**13. Người mua trả tiền trước**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	3,334,092,455	1,745,550,263
- <i>Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc</i>	<i>3,334,092,455</i>	<i>1,745,550,263</i>
- <i>Người mua trả tiền trước hoạt động khác</i>	<i>-</i>	<i>0</i>
<b>Cộng</b>	<b>3,334,092,455</b>	<b>1,745,550,263</b>

Là khoản người mua trả tiền trước về phí bảo hiểm gốc.

**14. Chi phí phải trả**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí đầu tư cửa hàng xăng dầu Thị xã Ngã Bảy – Hậu Giang	478,961,087	478,961,087
Trích trước chi phí đầu tư cửa hàng xăng dầu Thốt Nốt – Cần Thơ	473,805,979	473,805,979
Chi phí lãi vay phải trả	-	0
Chi phí phải trả khác	722,134,009	966,314,848
<b>Cộng</b>	<b>1,674,901,075</b>	<b>1,919,081,914</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1,225,909,062	1,533,293,382
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	493,898,606	233,940,612
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	3,146,285,952
Tạm ứng thầu chi cho VN Direct	-	11,651,028,972
Thuế nhà thầu tạm giữ	-	2,298,968,685
Phải trả phải nộp khác	13,904,467,152	6,678,332,605
<b>Cộng</b>	<b>15,624,274,820</b>	<b>25,541,850,208</b>

**16. Vay và nợ dài hạn**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	173,813,334	660,933,335
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	-
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(101,456,001)
Số kết chuyển	-	(385,664,000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>173,813,334</b>	<b>173,813,334</b>

**17. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	731,333,965	547,474,422
Số trích lập trong năm	-	284,202,893
Số chi trong năm	(12,547,497)	(100,343,350)
<b>Số cuối năm</b>	<b>718,786,468</b>	<b>731,333,965</b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	3,286,182,767	8,771,547,294
<b>Cộng</b>	<b>3,286,182,767</b>	<b>8,771,547,294</b>

**19. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<u>31/03/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn góp của cổ đông thiểu số	3,115,000,000	3,115,000,000
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	162,552,987	173,329,981
<b>Cộng</b>	<b>3,277,552,987</b>	<b>3,288,329,981</b>
	-	0

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.22.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm/kỳ được dự tính như sau:

	<b>31/03/2011</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20,944,692,885	100,313,629,679
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	385,555,738	(9,063,112,021)
- Các khoản điều chỉnh tăng	491,455,738	7,241,003
Lỗ từ các công ty liên kết	491,455,738	7,241,003
- Các khoản điều chỉnh giảm	(105,900,000)	(9,070,353,024)
Cổ tức được chia	(105,900,000)	(8,451,925,849)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(214,854,181)
Lợi nhuận từ Công ty con trong giai đoạn đầu tư	-	-
Lợi nhuận phát sinh do hợp nhất BCTC	-	(403,572,994)
Thu nhập chịu thuế	21,330,248,623	91,250,517,658
Thu nhập được miễn thuế	(35,462,877)	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	21,294,785,746	91,250,517,658
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>5,323,696,437</b>	<b>22,812,629,415</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>5,323,696,437</b>	<b>22,812,629,415</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5,323,696,437</b>	<b>22,812,629,415</b>
	-	-

20. Đầu tư ngắn hạn	31/03/2011		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>59,316,429,746</b>		<b>52,370,513,037</b>
CTCP Everpia Việt Nam			21,850	1,016,500,000
CTCP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển			100,550	3,432,014,425
Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà			85,000	2,148,237,900
Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	238,710	12,689,435,214	150,000	8,154,571,590
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam			68,500	1,659,216,810
Tổng công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật kỹ dầu khí VN	239,000	5,319,154,687	336,700	6,509,367,540
Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí VN	400,000	7,202,376,000	350,000	8,012,520,040
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	120,000	2,986,962,000	180,000	5,876,158,860
CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	2,985	60,899,400	22,985	468,936,000
Quỹ đầu tư năng động Việt Nam	500,000	5,075,000,000	500,000	5,075,000,000
Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia VN	1,000,000	10,015,720,905	1,000,000	10,015,720,905
Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu			6	294,997
Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	250,000	4,053,090,000	67	1,973,970
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	104,700	1,020,627,180	-	-
Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng VN	280,000	6,332,120,480	-	-
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	360,200	3,492,911,880		
Công ty CP BĐS Du lịch Ninh Vân Bay	130,000	1,068,132,000		
Đầu tư ngắn hạn khác		327,145,979,176		449,779,434,732
- <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống</i>		327,145,979,176		449,779,434,732
Cho vay ủy thác		-		-
<b>Cộng</b>		<b>386,462,408,922</b>		<b>502,149,947,769</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(4,180,793,761)		(1,240,687,392)
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>382,281,615,161</b>		<b>500,909,260,377</b>

21. Đầu tư dài hạn khác	31/03/2011			
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		19,770,000,000		19,770,000,000
Ngân hàng đầu tư	100,000	1,110,000,000	100,000	1,110,000,000
Công ty Cổ phần Fecon Việt Nam	3,000	60,000,000	3,000	60,000,000
Công ty Cổ phần Trúc Thôn	300,000	3,600,000,000	300,000	3,600,000,000
Công ty Cổ phần chế biến thủy sản Út Xi	1,000,000	15,000,000,000	1,000,000	15,000,000,000
Đầu tư trái phiếu		31,000,000,000		31,000,000,000
Trái phiếu Chính phủ, đáo hạn ngày 15 tháng 04 năm 2012, lãi suất 8,1%/năm		1,000,000,000		1,000,000,000
Trái phiếu ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, đáo hạn ngày 30 tháng 06 năm 2011, lãi suất năm đầu là 10,4%/năm, các năm sau tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng qui định trong hợp đồng với lãi s		20,000,000,000		20,000,000,000
Trái phiếu ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, đáo hạn ngày 25/09/2011, lãi suất thả nổi với năm đầu là 10,5%/năm, các năm sau tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng lớn qui định trong hợp đồng cộng với		10,000,000,000		10,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn		7,240,095,833		7,147,695,833
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư		24,849,777,778		19,849,777,778
Cho vay ủy thác		74,497,390,000		76,397,390,000
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần bất động sản Bưu điện		60,614,062,500		55,814,062,500
Góp vốn cổ phần (*)		47,045,000,000		47,045,000,000
Đầu tư dài hạn khác		10,372,725,000		10,372,725,000
<b>Cộng</b>		<b>275,389,051,111</b>		<b>267,396,651,111</b>

**22. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10,972,972,277	2,211,495,530	32,004,085,015	14,238,930,304	59,427,483,126
Mua sắm mới	-	-	6,088,946,725	1,671,436,245	7,760,382,970
<i>PTI</i>			6,088,946,725	1,671,436,245	
<i>XD</i>					
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>31/03/2011</b>	<b>10,972,972,277</b>	<b>2,211,495,530</b>	<b>38,093,031,740</b>	<b>15,910,366,549</b>	<b>67,187,866,096</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	77,316,808	5,511,373,386	8,058,479,462	13,647,169,656
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	760,580,969	426,483,263	17,480,421,348	10,856,052,570	29,523,538,150
Khấu hao trong năm	174,340,851	69,379,416	1,166,090,275	406,911,553	1,816,722,095
<i>PTI</i>	98,166,537	5,127,037	1,136,545,718	401,882,803	1,641,722,095
<i>XD</i>	76,174,314	64,252,379	29,544,557	5,028,750	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>31/03/2011</b>	<b>934,921,820</b>	<b>495,862,679</b>	<b>18,646,511,623</b>	<b>11,262,964,123</b>	<b>31,340,260,245</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	10,212,391,308	1,785,012,267	14,523,663,667	3,382,877,734	29,903,944,976
<b>31/03/2011</b>	<b>10,038,050,457</b>	<b>1,715,632,851</b>	<b>19,446,520,117</b>	<b>4,647,402,426</b>	<b>35,847,605,851</b>

**23. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	44,795,404,000	1,352,000,000	46,147,404,000
Tăng trong năm do mua sắm mới	-	-	-
Giảm trong năm do nhượng bán	-	-	-
<b>31/03/2011</b>	<b>44,795,404,000</b>	<b>1,352,000,000</b>	<b>46,147,404,000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	572,770,139	572,770,139
Khấu hao trong năm	-	96,732,899	96,732,899
Giảm trong năm	-	-	-
<b>31/03/2011</b>	<b>-</b>	<b>669,503,038</b>	<b>669,503,038</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	44,795,404,000	779,229,861	45,574,633,861
<b>31/03/2011</b>	<b>44,795,404,000</b>	<b>682,496,962</b>	<b>45,477,900,962</b>

**24. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong năm</b>	<b>Kết chuyển vào chi phí trong năm</b>	<b>31/03/2011</b>
<b>XDCB dở dang</b>				
- Mua sắm TSCĐ tại PTI	70,271,484	2,601,090,909	-	2,671,362,393
- Công trình Cửa hàng xăng dầu Cái Tắc – Cần Thơ	70,271,484	2,601,090,909	-	2,601,090,909
<b>Cộng</b>	<b>70,271,484</b>	<b>2,601,090,909</b>	<b>-</b>	<b>70,271,484</b>
				<b>2,671,362,393</b>

**25. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	31/03/2011
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,088,034,654	408,613,741	855,954,968	640,693,427
Chi phí thuê nhà	2,032,701,870	1,826,111,640	1,983,800,914	1,875,012,596
Chi phí phát triển đại lý	4,268,513,535	360,761,909	1,070,631,380	3,558,644,064
Chi phí truyền thông và phát triển thương hiệu	460,764,600	0	0	460,764,600
Các khoản chi phí khác	773,439,135	0	0	773,439,135
<b>Cộng</b>	<b>8,623,453,794</b>	<b>2,595,487,290</b>	<b>3,910,387,262</b>	<b>7,308,553,822</b>

**26. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	123,213,000,861	100,000,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả	0	405,824,000
<b>Cộng</b>	<b>123,213,000,861</b>	<b>100,405,824,000</b>

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/03/2011
Vay ngắn hạn ngân hàng	100,000,000,000	25,852,426,013	2,942,657,152	122,909,768,861
<i>Vay ngắn hạn của Xăng dầu(*)</i>	-	25,852,426,013	2,942,657,152	22,909,768,861
<i>Vay ngắn hạn của Tổng Công ty(**)</i>	100,000,000,000	-	-	100,000,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả (***)	405,824,000	-	102,592,000	303,232,000
<b>Cộng</b>	<b>100,405,824,000</b>	<b>25,852,426,013</b>	<b>3,045,249,152</b>	<b>123,213,000,861</b>

(\*)Vay 3 món của Ngân hàng VIB, Mục đích nhập hàng do biến động giá

(\*\*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) – Chi nhánh Hà Nội, lãi suất vay là 17,3%/ năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng 3 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Hàng Hải, tổng số tiền là 116.000.000.000 VND

(\*\*\*) Hiện tại đang vay NH Vietin Bank (TK 315,341) : 477.045.334 VND để trả tiền XD cây xăng Miền tây từ 31/12/2009, Trả dần 3 tháng/1 lần (Mỗi lần 102.592.000 VND)



**27. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<b>31/03/2011</b>	<b>Số đầu năm</b>		<b>Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/03/2011</b>	<b>Giá trị phân sở hữu cuối năm</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	89,821,920,258	90,898,437,189	Tăng giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo pp vốn chủ SH	89,821,920,258	92,520,357,447
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử	12,173,271,048	12,062,311,230		12,173,271,048	9,957,382,555
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chấm Pa	11,425,702,764	11,397,674,074		11,425,702,764	11,123,376,838
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	2,719,219,670	2,819,777,230		2,719,219,670	2,538,996,900
<b>Cộng</b>	<b>116,140,113,740</b>	<b>117,178,199,723</b>	<b>0</b>	<b>116,140,113,740</b>	<b>116,140,113,740</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	88,200,000,000	1,621,920,258		89,821,920,258	2,126,329,081
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử	14,292,700,000	(2,119,428,952)		12,173,271,048	(2,188,148,539)
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chấm Pa	11,700,000,000	(274,297,236)		11,425,702,764	(304,588,016)
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	3,000,000,000	(280,780,330)		2,719,219,670	(180,222,771)
<b>Cộng</b>	<b>117,192,700,000</b>	<b>(1,052,586,260)</b>		<b>116,140,113,740</b>	<b>(546,630,245)</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	90,898,437,189	(504,408,823)	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	2,126,329,081	92,520,357,447
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử	12,062,311,230	83,219,864		(2,188,148,539)	9,957,382,555
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chấm Pa	11,397,674,074	30,290,780		(304,588,016)	11,123,376,838
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	2,819,777,230	(100,557,559)		(180,222,771)	2,538,996,900
<b>Cộng</b>	<b>117,178,199,723</b>	<b>(491,455,738)</b>		<b>(546,630,245)</b>	<b>116,140,113,740</b>

**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Doanh thu**

**Doanh thu bảo hiểm gốc**

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	265,357,800,359	801,423,806,548
Doanh thu bảo hiểm gốc	230,780,626,151	684,469,187,473
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	22,468,276,312	49,340,707,044
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	11,931,084,474	34,729,600,649
Doanh thu khác	177,813,422	32,884,311,382
Các khoản giảm trừ doanh thu:	92,255,847,368	250,804,235,870
Phí nhượng tái bảo hiểm	47,646,354,466	149,617,446,987
Hoàn phí bảo hiểm	3,350,218,181	5,138,711,037
Tặng (giảm) dự phòng phí	41,259,274,721	96,048,077,846
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>173,101,952,991</b>	<b>550,619,570,678</b>

**2. Doanh thu bán hàng khác**

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác**

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	42,009,000,208	151,868,582,050

**3. Giá vốn cung cấp hàng bán và dịch vụ khác**

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu	40,136,999,114	145,005,363,930

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi kinh doanh chứng khoán, trái phiếu, góp vốn	2,039,942,269	25,443,840,595
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19,828,378,876	48,638,502,381
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	221,193,140	1,580,684,540
Lãi tiền cho vay	2,649,849,881	12,103,389,501
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105,900,000	8,451,925,849
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	530,140,694	1,893,219,563
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	214,854,181
Khác	1,034,666	-
Doanh thu tài chính từ kinh doanh bất động sản	-	37,260,000,000
<b>Cộng</b>	<b>25,376,439,526</b>	<b>135,586,416,610</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí quản lý, phát triển đại lý và dịch vụ sau bán hàng	5,500,839,392	23,673,381,085
Chi phí hoạt động kinh doanh xăng dầu	1,191,055,636	2,501,844,829
<b>Cộng</b>	<b>6,691,895,028</b>	<b>26,175,225,914</b>

**6. Chi phí tài chính**

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ kinh doanh chứng khoán	5,059,510,564	28,554,147,555
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	256,882,301	2,268,028,141
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	63,735,719
Hoàn nhập (-)/ Trích lập (+) dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2,940,106,369	502,653,205
Trích lập dự phòng đầu tư góp vốn dài hạn	-	407,210,493
Lãi vay	4,557,447,304	1,710,525,741
Chi phí ủy thác quản lý doanh mục đầu tư	-	458,152,639
Chi phí tiền lương hoạt động đầu tư	-	-
Chi phí đầu tư bất động sản	6,000,000	28,067,545
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	19,742,107,727
Chi phí tài chính khác	4,355,450	161,503,071
<b>Cộng</b>	<b>12,824,301,988</b>	<b>53,896,131,836</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	17,715,914,423	88,462,428,302
Chi phí vật liệu quản lý	3,198,910,656	10,697,745,392
Chi phí đồ dùng văn phòng	2,024,909,239	4,036,490,673
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,879,572,687	5,310,783,412
Thuế, phí và lệ phí	1,111,288,759	3,309,410,640
Chi phí dự phòng	2,073,641,666	(444,028,448)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,592,351,484	31,794,385,803
Chi phí bằng tiền khác	19,306,271,787	65,165,024,149
<b>Cộng</b>	<b>56,902,860,701</b>	<b>208,332,239,923</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15,612,011,750	77,262,629,717
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15,612,011,750	77,262,629,717
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	45,000,000	41,950,770
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>347</b>	<b>1,842</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	45,000,000	29,992,437
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 19 tháng 03 năm 2010	-	11,958,333
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>45,000,000</b>	<b>41,950,770</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	300,000,000,000	114,375,000,000	(201,068,212)	(190,538,338)	14,937,483,028	12,044,101,089	42,573,438,780	483,538,416,347
Cổ đông góp vốn	150,000,000,000	-	-	-	-	-	-	150,000,000,000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	77,262,629,717	77,262,629,717
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền tệ	-	-	-	133,493,744	-	-	-	133,493,744
ngắn hạn có gốc ngoại tệ	-	-	-	-	440,000,000	-	(39,880,000,000)	(39,440,000,000)
Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	-	-	440,000,000	-	(440,000,000)	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	-	-	(3,440,000,000)	(3,440,000,000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(36,000,000,000)	(36,000,000,000)
- Chi cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	3,770,507,394	(6,247,867,394)	(2,477,360,000)
Tam phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	-	3,770,507,394	(3,770,507,394)	-
- Trích quỹ Dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	-	3,770,507,394	(2,000,000,000)	(2,000,000,000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(477,360,000)	(477,360,000)
- Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh (tại Công ty Cổ phần xăng dầu Việt Nam)	-	-	-	-	-	-	(2,279,656,291)	(2,279,656,291)
Giảm khác	-	-	-	(57,044,594)	15,377,483,028	15,814,608,483	71,428,544,812	666,737,523,517
Số dư cuối năm trước	450,000,000,000	114,375,000,000	(201,068,212)	(57,044,594)	15,377,483,028	15,814,608,483	71,428,544,812	666,737,523,517
Số dư đầu năm nay	450,000,000,000	114,375,000,000	(201,068,212)	(57,044,594)	15,377,483,028	15,814,608,483	71,428,544,812	666,737,523,517
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trong đó góp bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	15,612,011,750	15,612,011,750
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền tệ	-	-	-	20,311,572	-	-	-	20,311,572
ngắn hạn có gốc ngoại tệ	-	-	-	-	-	-	(2,000,000,000)	(2,000,000,000)
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ Dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	(2,000,000,000)	(2,000,000,000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	-
Tam phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ Dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	-	-	(237,319,237)	(237,319,237)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	84,803,237,325	84,803,237,325
Số dư cuối năm nay	450,000,000,000	114,375,000,000	(201,068,212)	(36,733,022)	15,377,483,028	15,814,608,483	84,803,237,325	680,132,527,602

**IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**11. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của TCT**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	67.10%	66.94%
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	32.90%	33.06%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55.42%	54.47%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44.58%	45.53%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.80	1.84
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4.36	3.99
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.33	0.80
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	9.74%	9.74%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	7.26%	11.00%
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1.37%	6.82%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1.02%	5.25%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2.30%	11.59%

Người lập biểu



Đoàn Kiên

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Khánh



Phạm Anh Tuấn